

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa . Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019 vụ tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con chung ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa;

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1996; Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: ấp Núi V, xã Núi V, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Tr , sinh năm: 1991; Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Tr trước khi cưới có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2012, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Núi V, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng vài tháng thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn . Nguyên nhân, do anh Tr không lo chí thú làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc, không tin tưởng nhau, đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, anh Tr và chị sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay.

Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc , hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung tên Phạm Nguyễn Duy A, sinh ngày 20/9/2014 hiện đang sống chung với anh Tr, chị xin được giao con cho anh Tr tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng với bà Nguyễn Thị Ch (mẹ ruột anh Tr).

Trong quá trình chung sống vợ chồng Tr không ở chung nhà với bà mà cùng nhau đi Bình Dương làm ăn, bà nghe Tr kể vợ chồng thường xuyên cãi nhau, T không quan tâm chăm sóc chồng con, bỏ chồng và con đi nơi khác sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Tr đem con về sống chung với bà rồi có đến gia đình nhà T kêu về sống chung nhưng T không chịu về, theo bà thì mâu thuẫn vợ chồng của T ngày càng trầm trọng, bà Ch cũng rất muốn vợ chồng T và Tr về chung sống với nhau làm ăn nuôi dạy con cái nhưng chị T hiện nay cương quyết xin ly hôn với anh Tr con bà nên việc T và Tr đoàn tụ là rất khó.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh Tr trước khi cưới có tìm hiểu trước và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay, tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn, xét thấy hôn nhân của chị T và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T và anh Tr ly hôn.

Về con chung. Cháu Duy A do anh Tr nuôi dưỡng, kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu A ở với anh Tr, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh Tr cho biết ý kiến về việc chị T giao con cho anh nuôi dưỡng nhưng anh không làm văn bản ghi ý kiến, từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Duy A cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án , kết quả hỏi tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con chung” giữa chị và anh Tr. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh Tr đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh Tr không làm bản tự khai, cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh Tr không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn Tr.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn Tr trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi V, huyện T, tỉnh An Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, vợ chồng chung sống không tin tưởng quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người đó sống. Đã nhiều lần gia đình hai bên can thiệp hòa giải, vợ chồng tự hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, anh chị sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Chị T thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Tr. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn Tr.

{2.2} Về con chung : Vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Phạm Nguyễn Duy A, sinh ngày 20/9/2014, hiện con đang sống với anh Tr, chị T xin được giao cho anh Tr tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho anh Tr nhưng anh Tr không thể hiện ý kiến về việc chị T giao con cho anh nuôi và cũng không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai của mẹ anh Tr xác định kể từ khi vợ chồng chị T, anh Tr sống ly thân cho đến nay cháu Duy A sống với anh Tr, anh Tr vẫn chăm sóc cho cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, chị T không tới lui thăm nom chăm sóc con mà để mặc anh Tr nuôi con. Về khả năng kinh tế của anh Tr là đảm bảo cho việc nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng; mặc dù anh Tr không ghi ý kiến của mình, anh Tr sống chung với bà Ch (mẹ ruột anh Tr) mẹ của anh Tr cho biết về điều kiện kinh tế của anh Tr đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu Duy A cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Tr không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 1187 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn Tr.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Nguyễn Duy A, sinh ngày 20/9/2014 cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Tr không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 1187 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Chị T và anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị T được tính kể ngày tuyên án (ngày 23/9/2019). Anh Tr được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận

-TAND tỉnh
-VKSND huyện, tỉnh
-Chi cục thi hành án
-Đương sự
-UBND xã
-Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên